

## HƯỚNG DẪN

### Về thiết kế đề thi - kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công và hệ thống văn bản chỉ đạo của cấp trên, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn ban hành hướng dẫn về thiết kế đề thi - kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần cho tất cả các ngành đào tạo tại Trường áp dụng cho giảng viên, cán bộ quản lý đào tạo và sinh viên Đại học hệ chính quy và các cá nhân được mời tham gia các hoạt động đào tạo cụ thể như sau:

#### I. Tài liệu viện dẫn

##### 1. Văn bản cấp trên

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDDT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 12/2017/TT-BGDDT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;
- Thông tư số 08/2021/TT-BGDDT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDDT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo;
- Công văn số 804/DHĐN-ĐBCLGD ngày 26/02/2021 của Đại học Đà Nẵng về việc rà soát, cải tiến các phương pháp kiểm tra đánh giá sinh viên và chất lượng đề thi, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu ra.

##### 2. Tài liệu tham khảo

- <sup>1</sup>Susan M.Brookhart, Anthony J.Nitko (2019), Educational Assessment of Students, Pearson Education Inc.of Students, Pearson Education Inc.
- <sup>2</sup>Steven J. Osterlind (1998), Constructing test items: Multiple-choice, Constructed-Response, Performance, and other formats, Kluwer Academic Publishers.
- <sup>3</sup>Marilyn H. Oermann & Kathleen B. Gaberson (2009), Evaluation and Testing in Nursing Education, Springer Publishing Company.
- <sup>4</sup>Cronbach, L.J.1951. Coefficient alpha and the internal structure of tests. Psychometrika.

#### II. Mục đích, yêu cầu, phạm vi áp dụng và biểu mẫu

##### 1. Mục đích

Nguyên tắc đào tạo theo chuẩn đầu ra cần bảo đảm để sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) và các chuẩn đầu ra của các học phần (CLO). Giảng viên phải thiết kế các hoạt động giảng dạy và các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá gắn kết chặt chẽ với các CLO để bảo đảm sinh viên có thể đạt được các chuẩn đầu ra của học phần mà giảng viên phụ trách. Do đó các hoạt động/phương pháp

kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên phải được giảng viên thiết kế phù hợp như là công cụ để giúp sinh viên đạt được các CLO cũng như hỗ trợ cho việc đo lường đánh giá được mức độ sinh viên đạt được các CLO và PLO.

## 2. Yêu cầu

- Đề thi - kiểm tra đánh giá học phần (sau đây gọi chung là đề thi) phải phù hợp với mục tiêu và các CLO đã được công bố trong đề cương chi tiết học phần, góp phần hỗ trợ sinh viên đạt được các kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đã được tuyên bố trong các CLO và PLO.

- Các đề thi giữa kỳ hay kiểm tra đánh giá quá trình cũng có thể được xây dựng theo nguyên tắc đáp ứng các CLO học phần.

## 3. Mẫu đề thi đánh giá học phần

- Mẫu đề thi (phụ lục 01): dành cho giảng viên, cán bộ quản lý đào tạo (trưởng bộ môn hay Trưởng/phó khoa, phòng Đào tạo, phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục). Giảng viên, cán bộ quản lý đào tạo khi thiết kế đề thi cần có các thông tin liên quan đến các yêu cầu đáp ứng CLO đã được mô tả trong đề cương chi tiết học phần nhằm phục vụ cho việc rà soát cũng như hỗ trợ việc lập kế hoạch đo lường đánh giá mức độ sinh viên đạt các CLO và xa hơn là các PLO.

- Mẫu đề thi (phụ lục 02): dành cho sinh viên. Đối với đề thi dành cho sinh viên, không cần hiển thị các thông tin CLO ở trên để sinh viên tập trung vào các câu hỏi thi.

- Danh mục biểu mẫu:

TT	Mẫu đề thi	Hình thức thi
<b>I Dành cho giảng viên, cán bộ quản lý đào tạo (mẫu nội bộ)</b>		
1	Phụ lục 1a	Đề thi tự luận, thi trên máy, vấn đáp + Đáp án
2	Phụ lục 1b	Trắc nghiệm + Đáp án
3	Phụ lục 1c	Trắc nghiệm và tự luận + Đáp án
4	Phụ lục 1d	Phiếu chấm điểm vấn đáp
5	Phụ lục 1e	Danh sách đồ án môn học, bài tập lớn
<b>II Dành cho sinh viên (mẫu công khai tại kỳ thi)</b>		
1	Phụ lục 2a	Đề thi tự luận, thi trên máy; vấn đáp
2	Phụ lục 2b	Đề thi trắc nghiệm
3	Phụ lục 2c	Đề thi trắc nghiệm và tự luận

(Chi tiết các Phụ lục đính kèm bên dưới)

## III. Quy trình rà soát, cải tiến chất lượng đề thi và phương pháp đánh giá

1. Giảng viên bám sát quy trình dưới đây để thực hiện đánh giá chất lượng đề thi và phương pháp đánh giá học phần.

2. Trình tự thực hiện để cải tiến:

### Bước 1:

- Thu thập dữ liệu điểm học phần học kỳ trước.
- Tổ chức xem xét mức độ phù hợp, tính hiệu quả của đề thi – kiểm tra và tính hiệu

quả của các rubric (phiếu đánh giá, phiếu chấm). Thực hiện tính các chỉ số và phân tích đánh giá chất lượng đề thi và hiệu quả của các phiếu đánh giá thông qua: độ giá trị, độ tin cậy, tính công bằng.

- Báo cáo kết quả, kế hoạch, phương án cải tiến cho học kỳ sau.

**Bước 2:** Dựa trên dữ liệu đề cương chi tiết, chuẩn đầu ra, kế hoạch cải tiến để thiết kế đề thi – kiểm tra.

**Bước 3:** Nộp đề thi theo biểu mẫu và kế hoạch chung của Trường về Phòng KT&ĐBCLGD.

#### IV. Đánh giá chất lượng đề thi - kiểm tra

##### 1. Các chỉ số đánh giá chất lượng đề thi - kiểm tra

###### 1.1. Độ giá trị (validity)

- Độ giá trị của đề thi là khả năng đo lường đúng mức độ đạt được của sinh viên về nội dung cần đánh giá. Độ giá trị của đề thi có thể được đánh giá thông qua việc phân tích kết quả đánh giá sinh viên (bài thi đã thực hiện) bằng các chỉ số cơ bản: độ khó và độ phân biệt.

+ Độ khó của câu hỏi/de thi (difficulty - kí hiệu p) là tỷ số điểm giữa khả năng thực hiện được của sinh viên và tổng số điểm tối đa mà sinh viên có thể đạt được<sup>1</sup>.

+ Độ phân biệt (discrimination - kí hiệu d) là mức độ khác nhau giữa kết quả đạt được của các sinh viên thuộc nhóm trên (tốt - khoảng 27% sinh viên có số điểm toàn bài cao nhất) và kết quả đạt được của các sinh viên thuộc nhóm dưới (kém - khoảng 27% sinh viên có số điểm toàn bài thấp nhất) khi làm bài<sup>1</sup>.

###### 1.2. Độ tin cậy (reliability)

Độ tin cậy (kí hiệu r) là mức độ phù hợp giữa kết quả các lần đánh giá bằng đề thi ở trên cùng đối tượng, trong cùng điều kiện và phương pháp. Độ tin cậy của đề thi được tính theo nhiều công thức tùy thuộc vào phương pháp xác định khác nhau, cách phổ biến là sử dụng hệ số Alpha Cronbach<sup>4</sup>

###### 1.3. Tính công bằng (fairness)

Đề thi đảm bảo tính công bằng khi mọi phương diện đánh giá (nội dung, hình thức, yêu cầu phương pháp, phương thức tiếp cận, công cụ để giải quyết nhiệm vụ...) của đề thi là như nhau đối với mọi sinh viên. Để nâng cao tính công bằng của đề thi cần rà soát những điểm bất thường trong kết quả thi thể hiện sự thiếu công bằng giữa sinh viên/nhóm này với sinh viên/nhóm khác. Trên cơ sở các điểm bất thường qua rà soát, đánh giá phân tích để tìm ra những hạn chế, thiếu sót trong đề thi và thực hiện cải tiến.

##### 2. Công thức tính các chỉ số

###### 2.1. Cách tính độ giá trị (validity)

###### 2.1.1. Độ khó của câu hỏi/de thi

###### a) Cách tính độ khó

a1) Độ khó của câu hỏi/de thi trắc nghiệm

- Định nghĩa: Độ khó của câu hỏi/de thi trắc nghiệm là tỷ số giữa số sinh viên trả lời đúng so với tổng số sinh viên tham gia trả lời câu hỏi đó.

- Công thức tính:

$$p = \frac{n}{N}$$

Trong đó: p: Độ khó của câu hỏi,  
n: Số sinh viên trả lời đúng,  
N: Tổng số sinh viên tham gia.

- Ví dụ 1: Giả sử có 100 sinh viên tham gia trả lời câu hỏi số 4 và có 78 sinh viên trả lời đúng.

$$p = \frac{n}{N} = \frac{78}{100} = 0,78 \Rightarrow \text{Độ khó của câu hỏi số 4 là } 0,78$$

a2) Độ khó của câu hỏi/dè thi bằng các hình thức khác

- Định nghĩa: Độ khó của đè thi bằng các hình thức khác là tỷ số giữa điểm trung bình của tất cả sinh viên tham dự so với điểm tối đa mà sinh viên có thể đạt được.<sup>1</sup>

- Công thức tính:

$$p = \frac{\bar{x}}{M}$$

Trong đó: p: Độ khó của câu hỏi,  
 $\bar{x}$ : Điểm trung bình,  
M: Điểm tối đa.

- Ví dụ 2: Giả sử câu hỏi số 1 trong đè thi có điểm tối đa là 3, điểm trung bình câu hỏi số 1 của tất cả sinh viên tham gia là 2,5 thì độ khó của câu hỏi 1 là 0,83

$$p = \frac{\bar{x}}{M} = \frac{2,5}{3} = 0,83 \Rightarrow \text{Độ khó của câu hỏi 1 là } 0,83$$

### b) Phân loại độ khó

Độ khó p	Mức độ
$p \geq 0,8$	Dễ
$0,6 \leq p < 0,8$	Trung bình
$0,4 \leq p < 0,6$	Tương đối khó
$0,2 \leq p < 0,4$	Khó
$p < 0,2$	Rất khó

Tùy thuộc vào loại hình/phương pháp kiểm tra, đánh giá sinh viên cụ thể, có thể điều chỉnh các giá trị của mức phân loại độ khó p ở bảng trên để quy định các giá trị giới hạn độ khó phù hợp. Như vậy, từ 02 ví dụ trên, kết luận độ khó của câu hỏi 4 trong ví dụ 1 có độ khó mức trung bình và độ khó của câu hỏi 1 trong ví dụ 2 là câu hỏi dẽ.

#### 2.1.2. Độ phân biệt của câu hỏi/dè thi

##### a) Cách tính độ phân biệt

a1) Độ phân biệt của câu hỏi/dè thi trắc nghiệm

- Định nghĩa: Độ phân biệt của câu hỏi/dè thi trắc nghiệm là tỷ số giữa hiệu số sinh viên trả lời đúng thuộc nhóm trên và số sinh viên trả lời đúng thuộc nhóm dưới với tổng số sinh viên mỗi nhóm.

- Công thức tính:

$$d = \frac{g_t - g_d}{g}$$

Trong đó:

d: Độ phân biệt của câu hỏi,

$g_t$ : Số sinh viên trả lời đúng thuộc nhóm trên,

$g_d$ : Số sinh viên trả lời đúng thuộc nhóm dưới,

g: Số sinh viên mỗi nhóm (trên hoặc dưới).

Độ phân biệt là mức độ khác nhau giữa kết quả đạt được của các thí sinh thuộc nhóm trên (tốt - khoảng 27% thí sinh có số điểm toàn bài cao nhất) và kết quả đạt được của các thí sinh thuộc nhóm dưới (kém - khoảng 27% thí sinh có số điểm toàn bài thấp nhất) khi làm bài thi<sup>1</sup>.

- Ví dụ 3: Có 15 sinh viên tham gia làm bài với điểm toàn bài được sắp xếp từ cao đến thấp và những sinh viên làm đúng câu hỏi số 6 được thống kê như bảng dưới:

Sinh viên	Điểm toàn bài	Đúng câu hỏi 6
1	9	x
2	7	x
3	6	x
4	6	x
5	6	
6	6	
7	5	x
8	5	x
9	4	x
10	4	x
11	4	
12	3	x
13	3	x
14	3	
15	2	

*Nhóm trên*  
 $27\% \times 15 = 4,05$   
*làm tròn là 4*

*Nhóm dưới*  
 $27\% \times 15 = 4,05$   
*làm tròn là 4*

$$d = \frac{g_t - g_d}{g} = \frac{4-2}{4} = 0,5 \Rightarrow \text{Kết luận: Độ phân biệt của câu hỏi số 6 là } 0,5$$

a2) Độ phân biệt của câu hỏi/dề thi bằng các hình thức khác

- Định nghĩa: Độ phân biệt của câu hỏi/dề thi bằng các hình thức khác là tỷ số giữa hiệu điểm trung bình của các sinh viên thuộc nhóm trên và điểm trung bình của các sinh viên thuộc nhóm dưới với điểm tối đa của câu hỏi/bài thi đó.

- Công thức tính:

$$d = \frac{\bar{x}_t - \bar{x}_d}{M}$$

Trong đó: d: Độ phân biệt,

$\bar{x}_t$ : Điểm trung bình của các sinh viên thuộc nhóm trên,

$\bar{x}_d$ : Điểm trung bình của các sinh viên thuộc nhóm dưới,

M: Điểm tối đa.

\* Công thức tính điểm trung bình của nhóm có n phần tử  $x_1, x_2, \dots, x_n$ :

$$\bar{x} = \frac{\sum_{i=1}^n x_i}{n}$$

- Ví dụ 4: Có 15 sinh viên tham gia làm bài với điểm toàn bài được sắp xếp từ cao đến thấp và điểm câu 3 được thống kê như bảng dưới. Điểm tối đa của câu 3 là 2 điểm.

Nhóm trên  
 $27\% \times 15 = 4,05$   
 làm tròn là 4

Nhóm dưới  
 $27\% \times 15 = 4,05$   
 làm tròn là 4

Sinh viên	Điểm toàn bài	Đúng câu hỏi 6
1	9	1,5
2	7	2
3	6	2
4	6	1,5
5	6	1,5
6	6	1
7	5	1,5
8	5	1
9	4	2
10	4	1
11	4	1
12	3	1,5
13	3	1,5
14	3	1
15	2	1

$$\bar{x}_t = \frac{\sum_{i=1}^n x_i}{n} = \frac{1,5 + 2 + 2 + 1,5}{4} = 1,75$$

$$\bar{x}_d = \frac{\sum_{i=1}^n x_i}{n} = \frac{1,5 + 1,5 + 1 + 1}{4} = 1,25$$

$$d = \frac{\bar{x}_t - \bar{x}_d}{M} = \frac{1,75 - 1,25}{2} = 0,25$$

Kết luận: Độ phân biệt của câu 3 là 0,25.

### b) Phân loại độ phân biệt

Độ phân biệt d	Mức độ
$0,7 \leq d \leq 1$	Rất tốt
$0,4 \leq d < 0,7$	Tốt
$0,2 \leq d < 0,4$	Đủ độ phân biệt
$0 \leq d < 0,2$	Yếu
$d < 0$	Nên loại bỏ

Tùy thuộc vào loại hình/phương pháp kiểm tra, đánh giá sinh viên cụ thể, các Khoa có thể điều chỉnh các giá trị của mức phân loại độ phân biệt d ở bảng trên để quy định các giá trị giới hạn độ phân biệt phù hợp. Như vậy, từ 02 ví dụ 3 và ví dụ 4, kết luận: câu 6 trong ví dụ 3 có độ phân biệt tốt và câu 3 trong ví dụ 4 có đủ độ phân biệt.

### 2.2. Cách tính độ tin cậy (reliability)

- Định nghĩa: Độ tin cậy của câu hỏi/đề thi là mức độ phù hợp giữa kết quả các lần đánh giá bằng đề thi ở trên cùng đối tượng, trong cùng điều kiện và phương pháp. Độ tin cậy thường được xác định dựa trên tính ổn định bên trong của đề thi.

Độ tin cậy của đề thi được tính theo nhiều công thức tùy thuộc vào phương pháp xác định khác nhau, cách phổ biến là sử dụng Hệ số Alpha Cronbach<sup>4</sup>.

- Công thức tính:

$$r = \alpha = \frac{n}{n - 1} \left( 1 - \frac{\sum_{i=1}^n \sigma_i^2}{\sigma_c^2} \right)$$

Trong đó: r: Độ tin cậy của đề thi,

$\sigma_i^2$ : Phương sai của kết quả trả lời câu hỏi i,

$\sigma_c^2$ : Phương sai chung của kết quả cả bài thi,

n: Số câu hỏi trong bài thi.

\* Công thức tính phương sai của mẫu có n phần tử  $x_1, x_2, \dots, x_n$

$$\sigma^2 = \frac{\sum_{i=1}^n (x_i - \bar{x})^2}{n - 1}$$

Ví dụ 5: Có 15 sinh viên tham gia làm bài với điểm sinh viên thực hiện được và điểm tối đa của mỗi câu thống kê như bảng dưới

TT	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Tổng
1	3	2,5	1,5	1	1	9
2	2	2	2	0	0,5	6,5
3	2,5	3	2	0,5	1	9
4	2	2	1,5	0	0	5,5
5	2	2	1	1	0	6
6	2,5	3	2	1	0,5	9
7	2	2,5	1	1	1	7,5
8	3	3	1,5	0,5	1	9
9	2,5	2,5	1	1	0,5	7,5
10	2	2	2	1	0,5	7,5
11	2	2	1	0	0	5
12	3	2	1,5	1	0,5	8
13	3	2	1	1	0,5	7,5
14	3	2,5	1,5	0,5	1	8,5
15	2,5	2,5	1	0,5	0	6,5
<b>Điểm tối đa</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>10</b>

Áp dụng công thức tính giá trị trung bình, phương sai cho điểm từng câu hỏi và điểm toàn bài thi được kết quả:

Tham số	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Tổng
$\bar{x}$	2,47	2,37	1,43	0,67	0,53	7,47
$\sigma^2$	0,1952	0,1595	0,1738	0,1667	0,1595	1,7667

Tổng phương sai các câu hỏi:

$$\sum_{i=1}^n \sigma_i^2 = \sum_{i=1}^5 \sigma_i^2 = 0,1952 + 0,1595 + 0,1738 + 0,1667 + 0,1595 = 0,8548$$

Còn  $\sigma_c^2 = 1,7667$  là phương sai chung của các điểm tổng (điểm cả bài thi gồm 05 câu) của 15 thí sinh, tức là phương sai chung của kết quả cả bài thi.

Hệ số Alpha Cronbach:

$$\alpha = \frac{n}{n-1} \left( 1 - \frac{\sum_{i=1}^n \sigma_i^2}{\sigma_c^2} \right) = \frac{5}{5-1} \left( 1 - \frac{0,8548}{1,7667} \right) = 0,65$$

Kết luận: Độ tin cậy  $r$  của đề thi tính bằng hệ số Alpha Cronbach là:  $r = \alpha = 0,65$

### 3.2. Phân loại độ tin cậy

1. Tùy thuộc vào loại hình/phương pháp kiểm tra, đánh giá sinh viên cụ thể, các đơn vị có thể điều chỉnh các giá trị của mức phân loại độ tin cậy  $r$  ở bảng trên để quy định các giá trị giới hạn độ tin cậy phù hợp.

2. Bảng phân loại độ tin cậy như sau:

Độ tin cậy $r$	Mức độ
$r \leq 0,85$	Rất cao
$0,80 \leq r < 0,85$	Cao
$0,70 \leq r < 0,80$	Đủ độ tin cậy
$0,60 \leq r < 0,70$	Yếu
$r \leq 0,60$	Không đủ độ tin cậy

Như vậy, Đề thi trong ví dụ 5 có độ tin cậy yếu.

### 2.3. Tính công bằng (fairness)

- Đề thi đảm bảo tính công bằng khi mọi phương diện đánh giá (nội dung, hình thức, yêu cầu phương pháp, phương thức tiếp cận, công cụ để giải quyết nhiệm vụ...) của đề thi là như nhau đối với mọi sinh viên.

- Đề nâng cao tính công bằng của đề thi cần rà soát những điểm bất thường trong kết quả thi thể hiện sự thiếu công bằng giữa sinh viên/nhóm này với sinh viên/nhóm khác.

- Đánh giá phân tích điểm bất thường: trên cơ sở các điểm bất thường qua rà soát, đánh giá phân tích để tìm ra những hạn chế, thiếu sót trong đề thi và thực hiện cải tiến. Các gợi ý nội dung nên thực hiện rà soát:

STT	Dấu hiệu bất thường	Tiêu chí nên được rà soát, cải tiến
1.	Có nhiều câu hỏi/bài thi có điểm quá tốt/kém	Cấu trúc và tỷ trọng nội dung của đề thi bám sát đề cương chi tiết học phần; nội dung câu hỏi/de thi phù hợp với mức năng lực được yêu cầu đánh giá (nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích,...); không đánh giá các nội dung không yêu cầu đánh giá; không có nội dung được nhấn mạnh/xem nhẹ quá mức so với yêu cầu đánh giá
2.	Kết quả thi của sinh viên không tương xứng với năng lực đã được ghi nhận trong quá trình học	Nội dung của đề thi trình bày chính xác, chặt chẽ, không có yếu tố gây sai sót, nhầm lẫn, ngộ nhận cho thí sinh

STT	Dấu hiệu bất thường	Tiêu chí nên được rà soát, cải tiến
3.	Sinh viên có phản hồi về đề thi: độ ngắn dài, độ chi tiết, thời gian, cách trình bày,...	Dạng thức đề thi phù hợp với mục đích đánh giá
4.	Kết quả bài thi đồng loạt cao/thấp hơn năng lực ghi nhận	Thời gian thực hiện bố trí hợp lý, kiểm tra lại độ khó
5.	Câu hỏi/đề thi có độ phân biệt âm (nhiều thí sinh nhân lực đã được ghi nhận là tốt song lại có điểm thấp hơn thí sinh có năng lực thấp)	Đáp án, thang điểm chi tiết, cụ thể (điểm chi tiết lớn nhất có thể) và hợp lý

#### IV. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục là đơn vị triển khai hướng dẫn, biểu mẫu phục vụ tổ chức thiết kế đề thi - kiểm tra đánh giá học phần đáp ứng chuẩn đầu ra học phần; kiểm tra đề thi cuối kỳ của các học phần đảm bảo thực hiện đúng quy định.

2. Các Khoa, Tổ chuyên môn chủ trì tổ chức thiết kế đề thi - kiểm tra đánh giá học phần đáp ứng chuẩn đầu ra học phần theo hướng dẫn trên. Phân công giảng viên ra đề thi, lưu trữ kết quả chấm thi từng bài kiểm tra và kết quả thi cuối kỳ tại Khoa. Đồng thời, định kỳ rà soát, đánh giá phân tích để tìm ra những hạn chế, thiếu sót trong đề thi và thực hiện cải tiến trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trường.

3. Các giảng viên, viên chức tham gia giảng dạy các học phần thực hiện thiết kế đề thi - kiểm tra đánh giá học phần đáp ứng chuẩn đầu ra học phần đúng hướng dẫn.

Trên đây là hướng dẫn thiết kế đề thi - kiểm tra đánh giá học phần đáp ứng chuẩn đầu ra học phần của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn. Để đảm bảo chất lượng của đề thi- kiểm tra giảng viên căn cứ các chỉ số nêu ở mục IV để tính toán, tham chiếu làm cơ sở duy trì và cải tiến chất lượng đề thi – kiểm tra, phương pháp kiểm tra đánh giá dựa trên thực tế kết quả đánh giá sinh viên ở từng thời điểm. Kính đề nghị các đơn vị nghiên cứu hướng dẫn để triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Các Khoa, Tổ cơ bản;
- Phòng Đào tạo (p/h);
- Giảng viên;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHỤ TRÁCH**



ThS. Lê Hà Như Thảo





Phụ lục 01a: *mẫu đề thi + đáp án - Hình thức thi tự luận, thi trên máy, vấn đáp - dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi*  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN** **ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN** **Học kỳ: ... Năm học: ...-...**  
**KHOA.....**

### I. THÔNG TIN CHUNG

Học phần: Mã đề:

Mã học phần: Thời gian: ..... phút

Số tín chỉ: Ngày thi:

### II. CÁC YÊU CẦU CỦA ĐỀ THI NHẰM ĐÁP ỨNG CÁC CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (*phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần*)

Ký hiệu chuẩn đầu ra của học phần (CLO)	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Hình thức kiểm tra đánh giá	Trọng số độ quan trọng của CLO (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1						
CLO 2						
CLO 3						
...						

#### Chú thích các cột:

- (1) Chi liệt kê các CLO được đánh giá bởi bài thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần vì một số CLO có thể được đánh giá giữa kỳ, đánh giá qua dự án hoặc các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không đánh giá cuối kỳ thì không đưa vào đây).
- (2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.
- (3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành, báo cáo, thuyết trình,...phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.
- (4) Trọng số độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên tự quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, đảm bảo CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột này là để hỗ trợ cột (6).
- (5) Liệt kê các câu hỏi thi (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số ... đến câu hỏi số ...)
- (6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi thi.

- (7) Đánh dấu x vào ô tương ứng nếu CLO là quan trọng và cần thiết phải đo lường đánh giá mức độ sinh viên thực hiện CLO (đặc biệt là nếu học phần có sử dụng CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ sinh viên đạt PLO). Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO. Trường hợp CLO không quan trọng đến mức phải đánh giá mức độ sinh viên thực hiện CLO thì không cần đánh dấu x.

### **III. NỘI DUNG CÁC CÂU HỎI THI**

**Câu 1:** (... điểm) <Nội dung câu hỏi>

**Câu 2:** (... điểm) <Nội dung câu hỏi>

**Câu ...:** (... điểm) <Nội dung câu hỏi>

.....HẾT.....

**Ghi chú:** (đánh dấu x vào ô vuông tương ứng bên dưới)

**Thí sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài**

**Thí sinh được sử dụng tài liệu khi làm bài**

Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm ...

**GIẢNG VIÊN RA ĐỀ**

(ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI DUYỆT ĐỀ**

(ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN  
KHOA.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
Học kỳ: ... Năm học: ....-

## I. THÔNG TIN CHUNG

Học phần:

Mã đề:

Mã học phần:

Thời gian: ..... phút

Số tín chỉ:

Ngày thi:

## II. ĐÁP ÁN CÁC CÂU HỎI THI

Câu 1 (... điểm) : <Nội dung đáp án>

- Ý 1 (... điểm): nội dung đáp án 1
- Ý 2 (... điểm): nội dung đáp án 2

Câu 2 (... điểm) : <Nội dung đáp án>

- Ý 1 (... điểm): nội dung đáp án 1
- Ý 2 (... điểm): nội dung đáp án 2

Câu ... (... điểm) : <Nội dung đáp án>

..... HẾT .....

Dà Nẵng, ngày ... tháng ... năm ...

**GIẢNG VIÊN RA ĐỀ**

(ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI DUYỆT ĐỀ**

(ký và ghi rõ họ tên)

*Phụ lục 01b: mẫu đề thi + đáp án – Hình thức thi trắc nghiệm - Dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi*

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN  
KHOA.....**

**ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
Học kỳ: ... Năm học: ....-....**

## I. THÔNG TIN CHUNG

Học phần:

Mã đề:

Mã học phần:

Thời gian: ..... phút

Số tín chỉ:

Ngày thi:

## II. CÁC YÊU CẦU CỦA ĐỀ THI NHẰM ĐÁP ỨNG CÁC CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (*phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần*)

Ký hiệu chuẩn đầu ra của học phần (CLO)	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Hình thức kiểm tra đánh giá	Trọng số độ quan trọng của CLO (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1						
CLO 2						
CLO 3						
...						

### **Chú thích các cột:**

- (1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi bài thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần vì một số CLO có thể được đánh giá giữa kỳ, đánh giá qua dự án hoặc các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không đánh giá cuối kỳ thì không đưa vào đây).
- (2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.
- (3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành, báo cáo, thuyết trình,...phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.
- (4) Trọng số độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên tự quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, đảm bảo CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột này là để hỗ trợ cột (6).
- (5) Liệt kê các câu hỏi thi (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số ... đến câu hỏi số ...)
- (6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi thi.

- (7) Đánh dấu x vào ô tương ứng nếu CLO là quan trọng và cần thiết phải đo lường đánh giá mức độ sinh viên thực hiện CLO (đặc biệt là nếu học phần có sử dụng CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ sinh viên đạt PLO). Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO. Trường hợp CLO không quan trọng đến mức phải đánh giá mức độ sinh viên thực hiện CLO thì không cần đánh dấu x.

### III. NỘI DUNG CÁC CÂU HỎI THI

**Câu 1:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>
- B. <Phương án 2>
- C. <Phương án 3>
- D. <Phương án 4>

**Câu 2:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>
- B. <Phương án 2>
- C. <Phương án 3>
- D. <Phương án 4>

**Câu 3:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>
- B. <Phương án 2>
- C. <Phương án 3>
- D. <Phương án 4>

**Câu 4:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>
- B. <Phương án 2>
- C. <Phương án 3>
- D. <Phương án 4>

**Câu 5:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>
- B. <Phương án 2>
- C. <Phương án 3>
- D. <Phương án 4>

**Câu 6:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>
- B. <Phương án 2>
- C. <Phương án 3>
- D. <Phương án 4>

.....HẾT.....

**Ghi chú:** (đánh dấu x vào ô vuông tương ứng bên dưới)

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài*
- Thí sinh được sử dụng tài liệu khi làm bài*

*Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm ...*

**NGƯỜI DUYỆT ĐỀ**

*(ký và ghi rõ họ tên)*

**GIẢNG VIÊN RA ĐỀ**

*(ký và ghi rõ họ tên)*

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN  
KHOA.....**

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
Học kỳ: ... Năm học: ...**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Học phần:

Mã đề:

Mã học phần:

Thời gian: ..... phút

Số tín chỉ:

Ngày thi:

**II. ĐÁP ÁN CÁC CÂU HỎI THI**

Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D
1	A	B	C	D	11	A	B	C	D	21	A	B	C	D	31	A	B	C	D
2	A	B	C	D	12	A	B	C	D	22	A	B	C	D	32	A	B	C	D
3	A	B	C	D	13	A	B	C	D	23	A	B	C	D	33	A	B	C	D
4	A	B	C	D	14	A	B	C	D	24	A	B	C	D	34	A	B	C	D
5	A	B	C	D	15	A	B	C	D	25	A	B	C	D	35	A	B	C	D
6	A	B	C	D	16	A	B	C	D	26	A	B	C	D	36	A	B	C	D
7	A	B	C	D	17	A	B	C	D	27	A	B	C	D	37	A	B	C	D
8	A	B	C	D	18	A	B	C	D	28	A	B	C	D	38	A	B	C	D
9	A	B	C	D	19	A	B	C	D	29	A	B	C	D	39	A	B	C	D
10	A	B	C	D	20	A	B	C	D	30	A	B	C	D	40	A	B	C	D
Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D
41	A	B	C	D	51	A	B	C	D	61	A	B	C	D	71	A	B	C	D
42	A	B	C	D	52	A	B	C	D	62	A	B	C	D	72	A	B	C	D
43	A	B	C	D	53	A	B	C	D	63	A	B	C	D	73	A	B	C	D
44	A	B	C	D	54	A	B	C	D	64	A	B	C	D	74	A	B	C	D
45	A	B	C	D	55	A	B	C	D	65	A	B	C	D	75	A	B	C	D
46	A	B	C	D	56	A	B	C	D	66	A	B	C	D	...	A	B	C	D
47	A	B	C	D	57	A	B	C	D	67	A	B	C	D	...	A	B	C	D
48	A	B	C	D	58	A	B	C	D	68	A	B	C	D	...	A	B	C	D
49	A	B	C	D	59	A	B	C	D	69	A	B	C	D	...	A	B	C	D
50	A	B	C	D	60	A	B	C	D	70	A	B	C	D	...	A	B	C	D

..... HẾT .....

Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm ...

**GIẢNG VIÊN RA ĐỀ**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI DUYỆT ĐỀ**  
(ký và ghi rõ họ tên)

- (12) Liệt kê các câu hỏi thi (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số ... đến câu hỏi số ...)
- (13) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi thi.
- (14) Đánh dấu x vào ô vuông ứng nếu CLO là quan trọng và cần thiết phải đo lường đánh giá mức độ sinh viên thực hiện CLO (đặc biệt là nếu học phần có sử dụng CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ sinh viên đạt PLO). Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO t *Mã đề ... Trang .../26* này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO. Trường hợp CLO không quan trọng đến mức phải đánh giá mức độ sinh viên thực hiện CLO thì không cần đánh dấu x.

### III. NỘI DUNG CÁC CÂU HỎI THI

#### NỘI DUNG CÁC CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>    B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>    D. <Phương án 4>

**Câu 2:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>    B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>    D. <Phương án 4>

**Câu 3:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>    B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>    D. <Phương án 4>

**Câu 4:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>    B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>    D. <Phương án 4>

**Câu 5:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>    B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>    D. <Phương án 4>

**Câu 6:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>    B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>    D. <Phương án 4>

#### NỘI DUNG CÁC CÂU HỎI TỰ LUẬN

**Câu 1:** (... điểm) <Nội dung câu hỏi>

**Câu 2:** (... điểm) <Nội dung câu hỏi>

.....HẾT.....

**Ghi chú:** (đánh dấu x vào ô vuông tương ứng bên dưới)

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài**  
 **Thí sinh được sử dụng tài liệu khi làm bài**

**GIẢNG VIÊN RA ĐỀ**  
*(ký và ghi rõ họ tên)*

*Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm ...*  
**NGƯỜI DUYỆT ĐỀ**  
*(ký và ghi rõ họ tên)*

*Phụ lục 01c: mẫu đề thi +đáp án – Hình thức thi trắc nghiệm và tự luận - Dành cho  
giảng viên thiết kế đề thi*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN  
KHOA.....

**ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ: ... Năm học: ....-....**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Học phần:

Mã đề:

Mã học phần:

Thời gian: ..... phút

Số tín chỉ:

Ngày thi:

**II. CÁC YÊU CẦU CỦA ĐỀ THI NHẰM ĐÁP ỨNG CÁC CHUẨN ĐẦU RA  
CỦA HỌC PHẦN** (*phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần*)

Ký hiệu chuẩn đầu ra của học phần (CLO)	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Hình thức kiểm tra đánh giá	Trọng số độ quan trọng của CLO (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1						
CLO 2						
CLO 3						
...						

**Chú thích các cột:**

- (8) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi bài thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần vì một số CLO có thể được đánh giá giữa kỳ, đánh giá qua dự án hoặc các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không đánh giá cuối kỳ thì không đưa vào đây).
- (9) Nêu nội dung của CLO tương ứng.
- (10) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành, báo cáo, thuyết trình,...phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.
- (11) Trọng số độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên tự quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, đảm bảo CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột này là để hỗ trợ cột (6).

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN  
KHOA.....**

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
Học kỳ: ... Năm học: ....-....**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Học phần:

Mã đề:

Mã học phần:

Thời gian: ..... phút

Số tín chỉ:

Ngày thi:

**II. ĐÁP ÁN CÁC CÂU HỎI THI TRẮC NGHIỆM**

Câu																			
1	A	B	C	D	11	A	B	C	D	21	A	B	C	D	31	A	B	C	D
2	A	B	C	D	12	A	B	C	D	22	A	B	C	D	32	A	B	C	D
3	A	B	C	D	13	A	B	C	D	23	A	B	C	D	33	A	B	C	D
4	A	B	C	D	14	A	B	C	D	24	A	B	C	D	34	A	B	C	D
5	A	B	C	D	15	A	B	C	D	25	A	B	C	D	35	A	B	C	D
6	A	B	C	D	16	A	B	C	D	26	A	B	C	D	36	A	B	C	D
7	A	B	C	D	17	A	B	C	D	27	A	B	C	D	37	A	B	C	D
8	A	B	C	D	18	A	B	C	D	28	A	B	C	D	38	A	B	C	D
9	A	B	C	D	19	A	B	C	D	29	A	B	C	D	39	A	B	C	D
10	A	B	C	D	20	A	B	C	D	30	A	B	C	D	40	A	B	C	D
Câu					Câu					Câu					Câu				
41	A	B	C	D	51	A	B	C	D	61	A	B	C	D	71	A	B	C	D
42	A	B	C	D	52	A	B	C	D	62	A	B	C	D	72	A	B	C	D
43	A	B	C	D	53	A	B	C	D	63	A	B	C	D	73	A	B	C	D
44	A	B	C	D	54	A	B	C	D	64	A	B	C	D	74	A	B	C	D
45	A	B	C	D	55	A	B	C	D	65	A	B	C	D	75	A	B	C	D
46	A	B	C	D	56	A	B	C	D	66	A	B	C	D	...	A	B	C	D
47	A	B	C	D	57	A	B	C	D	67	A	B	C	D	...	A	B	C	D
48	A	B	C	D	58	A	B	C	D	68	A	B	C	D	...	A	B	C	D
49	A	B	C	D	59	A	B	C	D	69	A	B	C	D	...	A	B	C	D
50	A	B	C	D	60	A	B	C	D	70	A	B	C	D	...	A	B	C	D

**III. ĐÁP ÁN CÁC CÂU HỎI THI TỰ LUẬN**

**Câu 1 (... điểm): <Nội dung câu hỏi>**

- Ý 1 (...điểm): nội dung đáp án 1
- Ý 2 (...điểm): nội dung đáp án 2

**Câu 2 (... điểm):** <Nội dung câu hỏi>

- Ý 1 (...điểm): nội dung đáp án 1
- Ý 2 (...điểm): nội dung đáp án 2

..... HẾT .....

*Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm ...*

**GIẢNG VIÊN RA ĐÈ**  
*(ký và ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI DUYỆT ĐÈ**  
*(ký và ghi rõ họ tên)*

*Phụ lục 01d: mẫu phiếu chấm vấn đáp - phần dành cho giảng viên*  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**      **ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN**      **Học kỳ: ... Năm học: ...**  
**KHOA.....**

### I. THÔNG TIN CHUNG

Học phần:

Mã đề:

Mã học phần:

Thời gian: ..... phút

Số tín chỉ:

Ngày thi:

### II. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

ST T	<b>Họ và tên SV/nhó m SV</b>	<b>Các tiêu chí đánh giá (chỉ tham khảo)</b>							<b>Tổng điểm</b>
		Hình thức (đủ, gọn, đúng giờ, lưu loát, các slide trình chiếu)	Trả lời các câu hỏi của Giảng viên (đúng/ sai)	Thái độ, cách ứng xử, bản lĩnh (cách trả lời các câu hỏi rõ ràng, đi trực tiếp vào nội dung câu hỏi, có sức thuyết phục)	Nội dung thực hiện tốt theo yêu cầu đề tài, sản phẩm	Nắm vững những vấn đề liên quan đế tài, sản phẩm (cơ sở lý thuyết và các hướng nghiên cứu khác có liên quan)	Độ khó của đề tài, sản phẩ m	Tính ứng dụng thực tiễn (phạm vi và mức độ ứng dụng, khả năng phát triển, tính mới, tính sáng tạo, độc đáo...)	
		<b>Thang điểm từng tiêu chí</b>							
1		.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	10
2									
...									

Các nhận xét và đề nghị, câu hỏi của giảng viên (nếu có):

.....

.....

**Ghi chú:** Các tiêu chí đánh giá Khoa/Tổ chuyên môn xây dựng chi tiết để phù hợp với thực tế từng học phần, các tiêu chí trên chỉ mang tính chất tham khảo..

**GIẢNG VIÊN CHẤM THI 1**

(ký, ghi rõ họ tên)

**GIẢNG VIÊN CHẤM THI 2**

(ký, ghi rõ họ tên)

*Phụ lục 01e: mẫu danh sách đồ án môn học/bài tập lớn - phần dành cho giảng viên*  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN DANH SÁCH ĐỒ ÁN KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN** **Học kỳ: ... Năm học: ...**  
**KHOA.....**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Học phần: ..... Mã đề: .....

Mã học phần: ..... Thời gian: ..... phút

Số tín chỉ: ..... Ngày thi: .....

**II. DANH SÁCH ĐỒ ÁN**

STT	Nhóm (nếu có)	Tên đề tài	Mã sinh viên	Tên sinh viên	Ghi chú
1					
2					
...					

**GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN**  
*(ký và ghi rõ họ tên)*

*Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm ...*  
**NGƯỜI DUYỆT**  
*(ký và ghi rõ họ tên)*

**Nơi nhận:**

- Các Khoa, Tổ (để thực hiện);
- Lưu KT&ĐBCL.

*Đề tài.../Nhóm.../Mã đề ... Trang .../26*

*Phụ lục 02a: mẫu đề thi cuối kỳ - phần dành cho sinh viên - Hình thức tự luận, thi trên máy; Vấn đáp*

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN  
KHOA.....**

**ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ: ... Năm học: ....-....**

Học phần: .....  
Mã học phần: .....  
Số tín chỉ: .....  
Mã đề: .....  
Thời gian: ..... phút  
Ngày thi: .....

Họ tên: .....	Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	Số phách
Lớp: .....			
Mã SV: .....			
Số báo danh: .....			

8-----

Điểm (số)	Điểm (chữ)	Cán bộ chấm thi 1	Cán bộ chấm thi 2	Số phách

**NỘI DUNG CÁC CÂU HỎI THI**

- Câu 1:** (... điểm) <Nội dung câu hỏi>  
**Câu 2:** (... điểm) <Nội dung câu hỏi>  
**Câu ...:** (... điểm) <Nội dung câu hỏi>

..... HẾT .....

**Ghi chú:** (đánh dấu x vào ô vuông tương ứng bên dưới)

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài**  
 **Thí sinh được sử dụng tài liệu khi làm bài**

**GIẢNG VIÊN RA ĐỀ**  
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm ...  
**NGƯỜI DUYỆT ĐỀ**  
(ký và ghi rõ họ tên)

*Phụ lục 02b: mẫu đề thi cuối kỳ - phần dành cho sinh viên - Hình thức trắc nghiệm*  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
 VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN  
 KHOA.....**

**ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
Học kỳ: ... Năm học: ....-

Học phần: ..... MÃ đề: .....  
 Mã học phần: ..... Thời gian: ..... phút  
 Số tín chỉ: ..... Ngày thi: .....

Họ tên: .....	Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	Số phách
Lớp: .....			
Mã SV: .....			
Số báo danh: .....			

←-----

Điểm (số)	Điểm (chữ)	Cán bộ chấm thi 1	Cán bộ chấm thi 2	Số phách

### NỘI DUNG CÁC CÂU HỎI THI

**Câu 1:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>    B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>    D. <Phương án 4>

**Câu 2:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>    B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>    D. <Phương án 4>

**Câu 3:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>    B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>    D. <Phương án 4>

**Câu 4:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>    B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>    D. <Phương án 4>

**Câu 5:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>    B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>    D. <Phương án 4>

**Câu 6:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>    B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>    D. <Phương án 4>

..... HẾT .....

**Ghi chú:** (đánh dấu x vào ô vuông tương ứng bên dưới)

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài**  
 **Thí sinh được sử dụng tài liệu khi làm bài**

*Dà Nẵng, ngày ... tháng ... năm ...*

**NGƯỜI DUYỆT ĐỀ**

(ký và ghi rõ họ tên)

**GIẢNG VIÊN RA ĐỀ**  
 (ký và ghi rõ họ tên)

*Phụ lục 02c: mẫu đề thi cuối kỳ - phần dành cho sinh viên - Hình thức trắc nghiệm và tự luận*

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN  
KHOA.....**

**ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
Học kỳ: ... Năm học: ...

Học phần: .....  
Mã học phần: .....  
Số tín chỉ: .....

Mã đề: .....  
Thời gian: ..... phút  
Ngày thi: .....

Họ tên: .....	Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	Số phách
Lớp: .....			
Mã SV: .....			
Số báo danh: .....			

8-----

Điểm (số)	Điểm (chữ)	Cán bộ chấm thi 1	Cán bộ chấm thi 2	Số phách

**NỘI DUNG CÁC CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>      B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>      D. <Phương án 4>

**Câu 2:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>      B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>      D. <Phương án 4>

**Câu 3:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>      B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>      D. <Phương án 4>

**Câu 4:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>      B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>      D. <Phương án 4>

**Câu 5:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>      B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>      D. <Phương án 4>

**Câu 6:** (...điểm) <Nội dung>

- A. <Phương án 1>      B. <Phương án 2>  
 C. <Phương án 3>      D. <Phương án 4>

## NỘI DUNG CÁC CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: (... điểm) <Nội dung câu hỏi>

Câu 2: (... điểm) <Nội dung câu hỏi>

.....HẾT.....

**Ghi chú:** (đánh dấu x vào ô vuông tương ứng bên dưới)

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài**
- Thí sinh được sử dụng tài liệu khi làm bài**

Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI DUYỆT ĐỀ**

(ký và ghi rõ họ tên)

**GIẢNG VIÊN RA ĐỀ**

(ký và ghi rõ họ tên)